NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI GÓP PHẦN TÍCH CỰC TRONG VIỆC THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI VÙNG ĐBSCL

Tuấn Hưng *

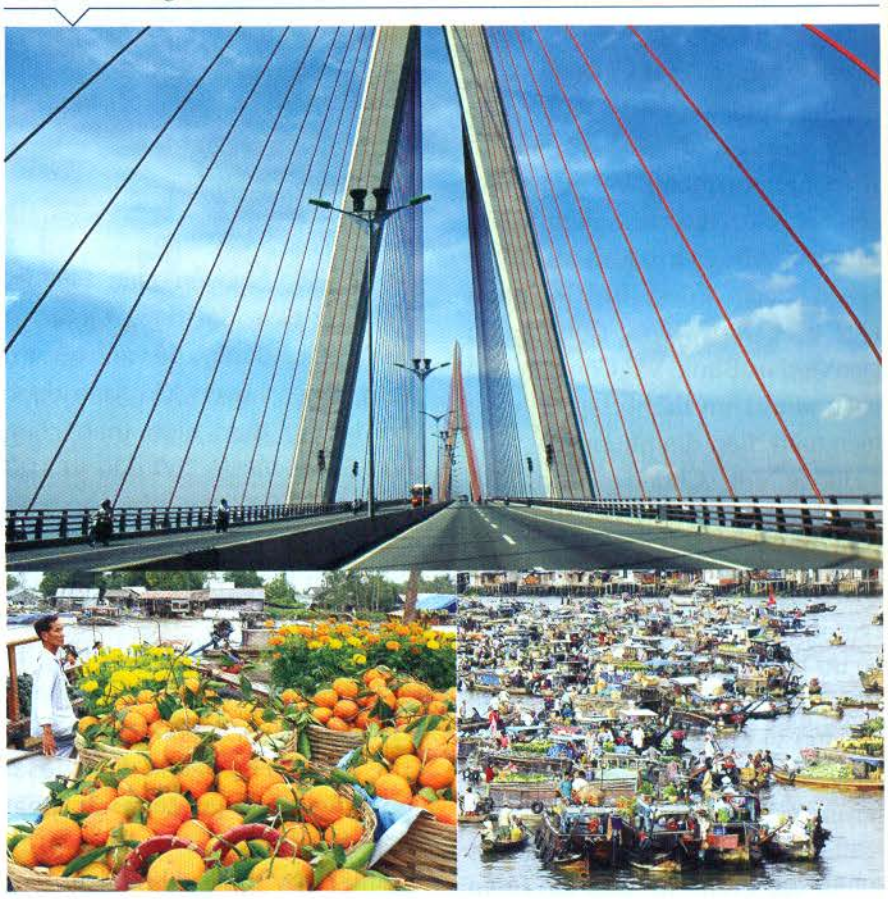

Tuy có nhiều thế mạnh về phát triển kinh tế nhưng vùng ĐBSCL lại có tính đặc thù bởi địa hình kênh rạch và thường xuyên chịu ảnh hưởng trực tiếp của lũ lụt

Vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có 13 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương gồm các tỉnh, thành phố: Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ. Toàn vùng có diện tích 40.640,7 kilômét vuông, chiếm 12,3% diện tích cả nước; dân số tự nhiên 17.272 ngàn người, chiếm tỷ lệ 19,8% dân số cả nước, chủ yếu là dân tộc Kinh và số ít là dân tộc thiểu số (Hoa, Chăm, Khơme). Toàn vùng có hơn 4.274 ngàn hộ dân, trong đó hộ nghèo theo chuẩn quốc gia giai đoạn 2011 - 2015 hiện còn 576 ngàn hộ, chiếm 13,48%; có 322 ngàn hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 7,54%. Đây là vùng đất màu mỡ được bồi đắp bởi sông Cửu Long và có đường hàng hải, đường hàng không quốc tế. Vùng có bờ biển dài trên 700 km. Thế mạnh của vùng là sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế biển, khai thác và nuôi trồng thủy sản phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tuy có nhiều thế mạnh về phát triển kinh tế nhưng vùng ĐBSCL lại có tính đặc thù bởi địa hình kênh rạch và thường xuyên chịu ảnh hưởng trực tiếp của lũ lụt. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của vùng vừa là thuận lợi vừa là thách thức, có ảnh hưởng lớn đến chất lượng tín dụng chính sách và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH).

Thông qua hệ thống NHCSXH, Chính phủ đang triển khai thực hiện 13 chương trình tín dụng chính sách xã hội tại 13 tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL. Ngoài ra, còn một số chương trình, dự án khác do UBND cấp tỉnh, huyện ủy thác qua NHCSXH thực hiện theo mục tiêu riêng của địa phương. Tại 13 tỉnh, thành phố của vùng ĐBSCL đã có 13 chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, 115 phòng giao dịch cấp huyện, tổ chức được 1.577 điểm giao dịch tại UBND cấp xã/1612 xã (phường, thị trấn), còn lại 35 xã của 13 tỉnh, thành phố được giao dịch tại trụ sở Ngân hàng.

Tính đến ngày 31/12/2014, tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách tại vùng ĐBSCL là 22.384 tỉ đồng, tăng 5.462 tỉ đồng so với thời điểm xây dựng Đề án củng cố, nâng cao chất

* NHNN

lượng hoạt động tín dụng chính sách vùng ĐBSCL. Tốc độ tăng trưởng bình quân tăng hàng năm 10,76% (tốc độ tăng chung toàn quốc là 7,76%). Nguồn vốn ủy thác địa phương tại khu vực đạt 492 tỉ đồng, tăng 73 tỉ đồng so với thời điểm 2011. Trong đó, các tỉnh, thành phố có số dư nguồn vốn địa phương cao so với các tỉnh khác trong vùng, như: An Giang 92 tỉ đồng, Long An 90 tỉ đồng, Đồng Tháp 50 tỉ đồng, Trà Vinh 41 tỉ đồng, Cần Thơ 40 tỉ đồng...

Về cơ bản, các chỉ tiêu của đề án tính đến ngày 31/12/2014 đã đạt yêu cầu: Tổng nợ quá hạn trong vùng đạt 160.046 triệu đồng, giảm 474.720 triệu đồng (giảm 74,8%), chiếm tỉ lệ 0,71%/ tổng dư nợ, hoàn thành 184% so với chỉ tiêu nợ quá hạn đề ra theo lộ trình thực hiện đề án. Nợ quá hạn theo từng hội đoàn thể nhận ủy thác giảm mạnh: Hội Liên hiệp phụ nữ 52.266 triệu đồng, giảm 141.861 triệu đồng, tỉ lệ 0,63%; Hội Nông dân 58.628 triệu đồng, giảm 63.473 triệu đồng, tỉ lệ 0,76%; Hội Cựu chiến binh 23.765 triệu đồng, giảm 75.874 triệu đồng, tỉ lệ 0,67%; Đoàn thanh niên 19.929 triệu đồng, giảm 66.004 triệu đồng, tỉ lệ 0,73%.

Bên cạnh hoạt động tín dụng, các chi nhánh NHCSXH khu vực ĐBSCL còn tập trung triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội, góp phần tích cực trong việc thực hiện mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn... Qua đó góp phần đáng kể đưa tỉ lệ hộ nghèo vùng thời kỳ 2011-2014 giảm từ 13,48% (năm 2011) xuống còn 5,7% (năm 2014).

Kết quả thực hiện 05 chỉ tiêu theo Đề án củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Việc thực hiện Đề án củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách đã tạo ra sự tin tưởng trong việc tiếp tục tổ chức triển khai chính sách tín dụng ưu đãi của Đảng, Nhà nước tại các địa phương. Khẳng định chính sách tín dụng ưu đãi triển khai trên địa bàn toàn quốc nói chung và vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng là có hiệu quả, góp phần vào thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo, tạo việc làm và chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Việc triển khai đồng bộ các giải pháp củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách ở các địa phương đã góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp về quản lý hoạt động tín dụng chính sách, chuyển biến về cách nghĩ, cách làm của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; tạo sự đồng thuận và quyết tâm của các ngành, các cấp trong việc củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn.

Thông qua việc điều động, luân chuyển, tăng cường cán bộ từ Hội sở chính và các đơn vị hoạt động tốt cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã từng bước làm thay đổi tư duy và cách làm trì trệ, thiếu trách nhiệm của một bộ phận cán bộ NHCSXH trước đây, gắn chất lượng công việc với trách nhiệm của từng cán bộ NHCSXH. Bộ máy tổ chức, mạng lưới hoạt động của các chi nhánh đã đi vào ổn định, nề nếp.

- Công tác phối hợp giữa các Hội đoàn thể, Tổ TK&VV, Trưởng ấp trong việc bình xét cho vay được thực hiện công khai và chất lượng, qua đó nâng cao trách nhiệm quản lý, giám sát sử dụng vốn vay; khách hàng vay vốn đã chuyển biến về ý thức có vay, có trả, chấp hành khá tốt quy định nộp tiền lãi và gửi tiền tiết kiệm theo định kỳ hàng tháng, trả nợ vay khi đến hạn.

- Thông qua công tác củng cố, chất lượng tín dụng chính sách trong khu vực ngày một nâng cao và phát huy hiệu quả to lớn. Nguồn vốn tín dụng chính sách đã góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo tại địa phương, xây dựng tình đoàn kết, trách nhiệm, gắn bó trong cộng đồng dân cư, phát huy sức mạnh của các tổ chức Hội đoàn thể, củng cố hơn nữa lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước

Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

- Nếu tính cả nợ khoanh thì tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh của vùng ĐBSCL còn rất cao so với mức bình quân chung của toàn hệ thống NHCSXH. Đến ngày 31/12/2014, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh của vùng này là 2,44%, trong khi bình quân chung của toàn hệ thống là 0,89%. Đồng thời, số nợ quá hạn còn lại sau 3 năm thực hiện

Đề án tuy đều là những khoản nợ rất khó xử lý, thu hồi; một số chương trình tín dụng vẫn tiềm ẩn rủi ro dễ ảnh hưởng đến việc gia tăng nợ quá hạn (như: chương trình cho vay nhà trả chậm, nhà ở hộ nghèo, chương trình nước sạch &VSMTNT, cho vay xuất khẩu lao động về nước trước hạn, học sinh sinh viên ra trường chưa có việc làm, gia đình nghèo quá khó khăn không có khả năng trả nợ,...

- Trong 5 chỉ tiêu của Đề án, thì chỉ tiêu giảm lãi tồn đọng ở cả 13/13 tỉnh đều không đạt chỉ tiêu đề ra và số lãi tồn đọng vẫn còn rất cao, khó thu hồi. Lãi của các chương trình tín dụng CSXH là những món nhỏ, phát sinh thường xuyên hàng tháng, đòi hỏi chất lượng hoạt động của Tổ TK&VV, của Hội đoàn thể nhận uỷ thác phải được nâng lên.

- Một vài nơi cấp ủy, chính quyền cơ sở còn thiếu quan tâm, thiếu quyết liệt trong công tác xử lý, thu hồi nợ quá hạn, lãi tồn đọng và nợ bị chiếm dụng. Thực tế ở vùng ĐBSCL cho thấy, vấn đề yếu nhất hiện nay là sự gắn kết hoạt động tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh của các cơ quan chính quyền (cơ quan khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư,... của huyện, của xã), của Hội đoàn thể với hoạt động giải ngân cho vay của NHCSXH, dẫn đến một bộ phận người nghèo sử dụng vốn vay chưa hiệu quả, chưa thoát nghèo bền vững.

- Nguồn vốn địa phương của các tỉnh vùng ĐBSCL dành để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn còn hạn chế. Đến năm 2014, bình quân mỗi tỉnh có nguồn vốn địa phương gần 38 tỷ đồng trong khi nguồn vốn địa phương bình quân chung toàn quốc là 62 tỷ đồng/tỉnh, thấp hơn 24 tỷ đồng/tỉnh. Trong 3 năm thực hiện Đề án, một số tỉnh giảm nguồn vốn địa phương, như Long An giảm 16,1 tỷ đồng, Kiên Giang giảm 9,8 tỷ đồng, Bến Tre 285 triệu đồng; một số tỉnh tăng thấp, như: Bạc Liêu tăng 2,3 tỷ đồng, Sóc Trăng tăng 2,8 tỷ, An Giang tăng 3,4 tỷ đồng,...

- Một số nơi, việc tuyên truyền chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ, ý thức trách nhiệm trả nợ của người vay chưa làm tốt; một số địa phương còn tồn tại như: Công tác phối hợp giữa Hội đoàn thể và NHCSXH chưa chặt chẽ, chưa thực hiện đầy đủ các công đoạn ủy thác (nhất là cấp xã); người vay sử dụng vốn không đúng mục đích, thực hiện quy trình bình xét cho vay thiếu công khai, dân chủ; công tác quản lý vốn tại khóm, ấp còn lỏng lẻo; một số tổ TK&VV hoạt động chưa ổn định, nề nếp...

- Đời sống của người dân, nhất là ở vùng nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, số hộ cận nghèo còn cao, tiềm ẩn nguy cơ tái nghèo lớn trong khi nguồn vốn cho vay của tín dụng CSXH hạn chế, không ổn định.

Bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả đạt được trong việc thực hiện củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách vùng ĐBSCL, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cơ bản, đó là:

Thứ nhất: Sự vào cuộc quyết liệt, hiệu quả của cấp uỷ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện và đặc biệt là cấp xã; đồng thời có sự chỉ đạo sâu sát của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ đưa hoạt động tín dụng CSXH thành công việc thường xuyên của cấp uỷ, chính quyền các cấp và duy trì, ổn định, nề nếp nâng cao chất lượng tín dụng ngay từ địa bàn từng ấp, từng xã, từng huyện.

Thứ hai: Đặc biệt chú trọng việc phân tích nguyên nhân nợ quá hạn, khả năng trả nợ của người vay; làm tốt hơn nữa công tác khoán chỉ tiêu đến cán bộ và thi đua khen thưởng kịp thời. NHCSXH Việt Nam tiếp tục quan tâm ưu tiên nguồn vốn; củng cố, tăng cường cán bộ cho các tỉnh vùng ĐBSCL.

Thứ ba: Vai trò tích cực, trách nhiệm, kiên quyết của Hội đoàn thể nhận uỷ thác và Ban quản lý Tổ TK&VV trong việc bám sát cơ sở, đôn đốc người vay chấp hành nghiêm túc nghĩa vụ trả nợ, trả lãi và thường xuyên giúp đỡ hộ vay trong việc sử dụng vốn vay hiệu quả.

Thứ tư: Qua kết quả thu hồi nợ quá hạn cho thấy tác động cơ bản, lâu dài và bền vững là đã thay đổi được nhận thức, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, người lãnh đạo; ý thức của người dân cũng đã thay đổi: Không trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước cho không

hoặc sẽ xoá nợ; có nhu cầu làm ăn mới vay vốn.

Thứ năm: Quan tâm và làm tốt việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan cho người dân, đảm bảo 1 năm 2 kỳ được giải quyết kịp thời, đúng chính sách quy định.

Giải pháp thực hiện

1. Chủ động tham mưu cấp uỷ, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các Hội đoàn thể vùng ĐBSCL tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tham gia hoạt động tín dụng CSXH để giúp người nghèo và các đối tượng chính sách khác sử dụng vốn hiệu quả, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, thoát nghèo bền vững và thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ trả nợ. Tăng cường nguồn vốn địa phương dành cho công tác xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm trên địa bàn. Đưa kết quả hoạt động tín dụng CSXH vào việc thi đua, đánh giá thi đua, khen thưởng của cấp uỷ đảng, chính quyền, Hội đoàn thể các cấp.

2. Duy trì và tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng theo chỉ đạo của NHCSXH Việt Nam. Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong các năm tiếp theo. Từng tỉnh tổ chức phân tích, đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng giải pháp đến chất lượng tín dụng trong 3 năm thực hiện Đề án phù hợp, thiết thực với địa phương mình, phát huy tác dụng trong việc tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng. Thường xuyên quan tâm đến việc xử lý nợ bị rủi ro để có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp với chính sách quy định.

3. Huy động mọi nguồn lực xã hội như: nguồn vốn Nhà nước cấp, NHCSXH huy động và nhận ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo phương châm "Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân cùng làm". Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng như: Tiết kiệm, thanh toán, chuyển tiền... Tạo điều kiện thuận lợi đáp ứng cho 100% hộ nghèo và đối tượng chính sách khác trong vùng ĐBSCL có nhu cầu và đủ điều kiện được tiếp cận với những dịch vụ Ngân hàng và các chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ.

4. Đảm bảo chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ cho vay; tập trung giải ngân cho vay đúng đối tượng, đúng chính sách quy định và kịp thời theo kế hoạch được duyệt. NHCSXH thường xuyên báo cáo, tham mưu cho Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ về hoạt động tín dụng chính sách vùng ĐBSCL nói riêng và toàn quốc nói chung.

5. Nâng cao hiệu quả phương thức ủy thác cho vay thông qua các tổ chức Hội đoàn thể với sự tham gia chỉ đạo, giám sát của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, tăng cường vai trò của chính quyền cấp xã, đội ngũ Trưởng ấp trong quản lý và khai thác hiệu quả của tín dụng CSXH. Đào tạo đội ngũ cán bộ làm ủy thác, cán bộ Tổ TK&VV có kiến thức cơ bản về quản lý tín dụng; kiểm tra, giám sát; phát hiện, phòng ngừa rủi ro; tư vấn, hướng dẫn sử dụng vốn hiệu quả cho người nghèo và các đối tượng chính sách. Thường xuyên tuyên truyền, vận động hội viên, tổ viên thực hành tiết kiệm để gửi NHCSXH nhằm tạo lập dần vốn tự có.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, NHCSXH phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các tổ chức Hội đoàn thể trong việc kiểm tra, giám sát việc thực thi tín dụng chính sách để ngăn ngừa, phát hiện kịp thời vụ việc tiêu cực, hạn chế thấp nhất rủi ro trong thực hiện tín dụng chính sách, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách và nâng cao hơn nữa uy tín của NHCSXH.

7. Tiếp tục quan tâm công tác đào tạo, tập huấn đối với đội ngũ cán bộ của NHCSXH, Hội đoàn thể nhận ủy thác và Ban quản lý Tổ TK&VV.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, về hoạt động của NHCSXH nhằm tạo điều kiện để hộ dân tiếp cận các chương trình vay vốn của Chính phủ, đồng thời nâng cao ý thức của hộ vay trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ khi sử dụng vốn vay.■